

Bản án số: **31/2019/HNGĐ-ST**  
Ngày: 06 - 8 - 2019.  
V/v tranh chấp: *Ly hôn*  
*giữa anh C và chị S.*

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Đức Trường**  
- *Các Hội thẩm nhân dân:* - Bà **Nguyễn Thị Tài**  
- Bà **Nguyễn Thị Duyên**  
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Ngày **06** tháng **8** năm **2019** tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Phan Bảo C**, sinh năm: 1979

Địa chỉ cư trú: Thôn 10A, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- **Bị đơn:** Chị **Trần Thị S**, sinh năm: 1985

Địa chỉ cư trú: Xóm Kênh Hội, xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định.

*(Anh C có mặt. Chị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phan Bảo C, bị đơn chị Trần Thị S trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh C và chị S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 27/3/2009, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh C và chị S đều cho rằng quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng không tiếp tục chung sống với nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay anh C và chị S đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C và chị S đều thống nhất yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung:* Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Thị Thảo N, sinh ngày 11/01/2010. Khi ly hôn anh C và chị S đều thống nhất giao cháu N cho chị S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Chị S không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh C và chị S đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Vụ án không tiến hành hòa giải được do bị đơn chị Trần Thị S có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* **Về tố tụng:** Anh Phan Bảo C có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng giải quyết về tranh chấp “Ly hôn” với chị Trần Thị S. Anh Phan Bảo C và chị Trần Thị S có đơn thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng là nơi giải quyết vụ án. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Trần Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị S là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### \* Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh C và chị S tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Nam Định vào ngày 27/3/2009, được sự đồng ý của hai bên gia đình và có tổ chức lễ cưới theo phong tục. N vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị S là hoàn toàn hợp pháp.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Anh C và chị S đều cho rằng vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp, luôn bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Anh C và chị S đều cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã rất trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh C và chị S đều thống nhất yêu cầu được ly hôn. Việc thỏa thuận tình ly hôn của anh C và chị S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh C; xử cho anh C được ly hôn với chị S.

- *Về con chung:* Anh C và chị S đều trình bày vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Phan Thị Thảo N, sinh ngày 11/01/2010. Khi ly hôn anh C và chị S đều thống nhất giao cháu N cho chị S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Xét thấy: Cháu Phan Thị Thảo N hiện đang còn nhỏ và có cuộc sống ổn định với chị S; cháu N cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục ở với chị S. Anh C và chị S cũng thỏa thuận giao cháu N cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Nên để không ảnh hưởng đến cuộc sống hiện tại cũng N tâm lý của cháu N. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh C và chị S về việc giao con chung; giao cháu N cho chị S tiếp tục có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

- *Về cấp dưỡng:* Do chị S không yêu cầu nên anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Anh C và chị S đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- *Về án phí:* Buộc anh C phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”. Xử:

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Bảo C đối với chị Trần Thị S về tranh chấp “*Ly hôn*”.

Xử cho anh Phan Bảo C được ly hôn với chị Trần Thị S.

**2/ Về con chung:** Giao 01 con chung là cháu Phan Thị Thảo N, sinh ngày 11/01/2010 cho chị Trần Thị S có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ tuổi thành niên.

Anh Phan Bảo C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

**3/ Về án phí:** Anh Phan Bảo C phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0012984 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Anh Phan Bảo C đã nộp đủ tiền án phí.

**4/ Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện B;
- UBND xã X, huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Đã ký***

**Nguyễn Đức Trường**

